

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông.

2. Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nghiêm Thị Hồng N, sinh năm 1994;

ĐKHKTT: ấp A (ấp P), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: anh Lê Phóng Đ, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp A (ấp P), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị N và anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là chị Nghiêm Thị Hồng N trình bày:

Hôn nhân của chị và anh Đ là do tự nguyện. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2012. Trong quá trình chung sống, anh Đ không chăm lo làm ăn để lo cho các con mà cứ thường xuyên chơi bời, cờ bạc, nhậu nhẹt. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi làm cho vợ chồng bất hòa, tình cảm vợ chồng rạn nứt, giữa vợ chồng nảy

sinh mâu thuẫn. Thấy một thời gian đã lâu mà anh Đ vẫn không chịu thay đổi, mâu thuẫn càng ngày càng tăng nên chị và các con về nhà mẹ ruột sống được hơn 01 tuần.

Nay thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể nào hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ

Chị và anh Đ có 02 người con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2013 và Lê Ngọc G, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2017. Hiện các con chung đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh Đ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc và sức khỏe nên chị yêu cầu Tòa án cho chị vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Đây là ý kiến tự nguyện của chị, không ai ép buộc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: chị N thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự là không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nghiêm Thị Hồng N. Chị Nghiêm Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Phóng Đ.

- Về con chung: giao cháu Lê Ngọc N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2013 và cháu Lê Ngọc G, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu G. Nếu sau này chị N có yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung sẽ khởi kiện ở một vụ án dân sự khác.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết;
- Về nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nghiêm Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Lê Phóng Đ. Anh Đ cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo chị N trình bày trong quá trình chung sống, chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được và đã không chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh Đ nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, anh Đ không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho chị N tự giải quyết.

Xét thấy, giữa chị N và anh Đ không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị N và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N để giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: chị N trình bày chị và anh Đ có 02 người con chung là Lê Ngọc N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2013 và Lê Ngọc G, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2017. Hiện 02 người con chung đang sống với chị N. Chị Nhung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Anh Đ không có yêu cầu được trực

tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không có ý kiến phản đối với lời trình bày của chị N.

Vì vậy, căn cứ vào hồ sơ vụ án, xét thấy chị N và anh Đ có 02 người con chung là Lê Ngọc N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2013 và Lê Ngọc G, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2017. Hiện các con đang sống với chị N. Nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ là muốn chung sống với mẹ.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị N có quyền yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N và cháu G. Tuy nhiên do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N trình bày chị và anh Đ tự thỏa thuận tài sản chung, anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh Đ thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nghiêm Thị Hồng N. Chị Nghiêm Thị Hồng N được ly hôn với anh Lê Phóng Đ.

2. Về con chung: giao cháu Lê Ngọc N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2013 và cháu Lê Ngọc G, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2017 cho chị Nghiêm Thị Hồng N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Nghiêm Thị Hồng N không yêu cầu anh Lê Phóng Đ cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nghiêm Thị Hồng N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004003 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền